

## CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

## BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật lý lý thuyết và Vật lý toán

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Hoàng Đỗ Ngọc Trâm

2. Ngày tháng năm sinh: 01/10/1982; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Phường 1, Thị xã Kiến Tường, Tỉnh Long An

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): EA5-06.09, Khu dân cư Kỷ Nguyên (The Era Town), Đường 15B, Phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Hoàng Đỗ Ngọc Trâm, Khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 280, An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0979801401;

E-mail: tramhdn@hcmue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2004 đến năm 2012: Giảng viên tại Khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Từ năm 2012 đến năm 2014: Giảng viên, Chi ủy viên tại Khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Từ năm 2014 đến năm 2015: Giảng viên, Bí thư Chi bộ tại Khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Từ năm 2015 đến năm 2020: Giảng viên tại Khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Bí thư Chi bộ

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 280, An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 028 38352020

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 26 tháng 07 năm 2004, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Sư phạm Vật lý

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 03 năm 2009, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý lý thuyết và Vật lý toán

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐH Khoa học Tự nhiên – ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 03 tháng 06 năm 2014, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý lý thuyết và Vật lý toán.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường ĐH Khoa học Tự nhiên – ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

**Phương pháp đại số giải phương trình Schrödinger cho hệ nguyên tử, phân tử trong điện trường, từ trường.**

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Bộ; 3 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 30 bài báo KH, trong đó 11 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết

định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

**Hoàn thành các nhiệm vụ của nhà giáo: tích cực tham gia giảng dạy đại học và sau đại học, tham gia đào tạo thạc sỹ; tích cực tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ; tham gia vào thiết kế các chương trình đào tạo.**

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên \*:

- Tổng số 15 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015			1	1	158.1	67.5	255.6/295.6/238
2	2015-2016					392.3	67.5	459.8/459.8/229.5
3	2016-2017					283.35	67.5	350.85/350.85/229.5
3 năm học cuối								
4	2017-2018					229	67.5	296.6/296.5/229.5



1	Nguyễn Thị Hồng Lanh		X	X		09/2014 đến 10/2015	Trường Đại học Su phạm Thành phố Hồ Chí Minh	2016
2	Nguyễn Hồ Thanh Huyền		X	X		09/2014 đến 12/2016	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên – ĐH Quốc gia Tp. HCM	2017
3	Nguyễn Hữu Phước		X	X		09/2017 đến 12/2018	Trường ĐH Su phạm Tp. HCM	2019

*Ghi chú:* Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

---

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 0

*Lưu ý:*

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

**Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang .... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

#### 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Phương pháp toán tử và phép biến đổi Laplace cho bài toán exciton âm hai chiều (ĐT)	CN	CS2011.19.51, cấp Cơ sở	15/05/2011 đến 15/05/2012	21/11/2012/Tốt
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

1	Sự tăng/giảm của hiệu ứng màn chắn trên năng lượng liên kết của exciton trong bán dẫn đơn lớp TMDs do từ trường (ĐT)	CN	103.01-2016.90, cấp Bộ	29/04/2017 đến 29/12/2019	13/02/2020/Đạt
2	Phương pháp toán tử FK cho bài toán hệ nguyên tử hai chiều (ĐT)	CN	CS2013.19.42, cấp Cơ sở	30/08/2013 đến 30/08/2014	13/01/2015/Tốt
3	Phương pháp toán tử tìm nghiệm số chính xác cho bài toán ion H <sub>2</sub> <sup>+</sup> hai chiều trong điện trường (ĐT)	CN	CS2015.19.69, cấp Cơ sở	15/09/2015 đến 15/09/2016	24/11/2016/Tốt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

**Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								

1	Hoang-Do Ngoc-Tram, Pham Dang-Lan and Le Van-Hoang (2013), Exact numerical solutions of the Schrödinger equation for a two-dimensional exciton in a homogeneous magnetic field of arbitrary strength, Physica B 423, 31-37.	3	Có	Physica B (0921-4526)	Q2 - SCI <b>IF:</b> <b>1.874</b>	7	423 , 31-37	2013
2	Hoang-Do Ngoc-Tram, Hoang Van-Hung and Le Van-Hoang (2013), Analytical solutions of the Schrödinger equation for a two-dimensional exciton in magnetic field of arbitrary strength, J. Math. Phys. 54(5), 052105(11).	3	Có	Journal of Mathematical Physics (0022-2488)	Q2 - SCI <b>IF:</b> <b>1.355</b>	6	54 , 5, 052105(11)	2013



3	<p>Nguyen Thi-Hien, Hoang Van-Hung, Hoang-Do Ngoc-Tram, Le Van-Hoang (2012), Possibility of tracking imino-amino tautomerism of cytosine by ultra-short laser pulses using high-order harmonic generation, Comp. Theor. Chem. 988, 92-97.</p>	4	Không	<p>Computational and Theoretical Chemistry (2210-271X)</p>	<p>Q3 - SCI <i>IF: 1.344</i></p>	3	988 , 92-97	2012
4	<p>Rouinfar Amy, Madsen Adrian M., Hoang Do Ngoc Tram, Sadhana Puntambekar and Rebello N. Sanjay (2013), “Scaffolding students’ understanding of force in pulley systems”, AIP Conf. Proc. 1513(1), 354-357.</p>	5	Không	<p>AIP Conference Proceedings (0094-243X)</p>	<p>Web of Science (CPCI) - Scopus <i>IF: 0.4</i></p>	1	1513 , 1, 354-357	2013

5	<p>Rouinfar Amy, Madsen Adrian M., Hoang Do Ngoc Tram, Sadhana Puntambekar and Rebello N. Sanjay (2012), Comparing the development of students' conceptions of pulleys using physical and virtual manipulatives, AIP Conf. Proc. 1413(1), 331-334.</p>	5	Không	<p>AIP Conference Proceedings (0094-243X)</p>	<p>Web of Science (CPCI) - Scopus <b>IF: 0.4</b></p>	2	<p>1413 , 1, 331-334</p>	2012
6	<p>Le Van Hoang, Hoang Do Ngoc Tram, Lu Thanh Trung (2005), “Analytical solution of 2D exciton in a magnetic field”, Commun. Phys., Suppl. 2005, 101- 106.</p>	3	Không	<p>Communications in Physics (0868-3166)</p>			<p>2005 , 101- 106</p>	2005

7	<p>Le Van Hoang, Le Tran The Duy, Hoang Do Ngoc Tram, Ngo Dinh Nguyen Thach, Le Thi Ngoc Anh (2004), “Exact solution of two-dimensional screened donor states in a magnetic field”, Commun. Phys., Suppl. 2004, 58-63.</p>	5	Không	<p>Communications in Physics (0868-3166)</p>			2004 , 58-63	2004
8	<p>Hoàng Đỗ Ngọc Trâm, Lê Quý Giang, Nguyễn Thị Mận, Lê Văn Hoàng (2013), Phương pháp đại số cho bài toán exciton âm trong bán dẫn hai chiều, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP. HCM, số 43(77) (Khoa học tự nhiên &amp; Công nghệ), 24-32.</p>	4	Có	<p>Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP.HCM (1859-3100)</p>			43 , 77, 24-32	2013

9	Hoàng Đỗ Ngọc Trâm, Lê Văn Hoàng (2012), Tham số tự do với sự hội tụ của phương pháp toán tử FK, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP. HCM, số 33(67) (Khoa học tự nhiên & Công nghệ), 94 – 106.	2	Có	Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP.HCM (1859- 3100)			33 , 67, 94- 106	2012
10	Hoàng Đỗ Ngọc Trâm, Ngô Đình Nguyên Thạch, Lê Thị Ngọc Anh, Lê Trần Thế Duy, Lê Văn Hoàng (2004), “Phương pháp toán tử cho bài toán tương tác điện tử – lỗ trống của khí điện tử hai chiều với sự có mặt của từ trường và thế màn chắn”, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP. HCM, số 4(38) (Khoa học tự nhiên), 60-73.	5	Có	Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP.HCM (1859- 3100)			4 , 38, 60- 73	2004
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								

11	<p>Hoang D. Ngoc-Tram, Ly Duy-Nhat, and Le Van-Hoang (2020), Comment on “Excitons, trions, and biexcitons in transition-metal dichalcogenides: Magnetic-field dependence”, Phys. Rev. B 101(12), 127401(2).</p>	3	Có	<p>Physical Review B (2469-9950)</p>	<p>Q1 - SCI <b>IF: 3.736</b></p>	1	<p>101 , 12, 127401(2)</p>	2020
12	<p>Nguyen P. Duy-Anh, Ly Duy-Nhat, Le Dai-Nam, Hoang D. Ngoc-Tram and Le Van-Hoang (2019), High-accuracy energy spectra of a two-dimensional exciton screened by reduced dimensionality with the presence of a constant magnetic field, Physica E 113, 152-164.</p>	5	Không	<p>Physica E (1386-9477)</p>	<p>Q2 - SCI <b>IF: 3.176</b></p>		<p>113 , 152-164</p>	2019

13	Cao H. Thanh-Xuan, Ly Duy-Nhat, Hoang D. Ngoc-Tram and Le Van-Hoang (2019), High-accuracy numerical calculations of the bound states of a hydrogen atom in a constant magnetic field with arbitrary strength, Comput. Phys. Commun. 240, 138-151	4	Không	Computer Physics Communications (0010-4655)	Q1 - SCI <i>IF:</i> <b>3.309</b>		240 , 138-151	2019
14	Le Dai-Nam, Hoang D. Ngoc-Tram and Le Van-Hoang (2018), Exact analytical solutions of the Schrödinger equation for a two dimensional purely sextic double-well potential, J. Math. Phys. 59(3), 032101(15).	3	Có	Journal of Mathematical Physics (0022-2488)	Q2 - SCI <i>IF:</i> <b>1.355</b>	4	59 , 3, 032101(15)	2018

15	Le Dai-Nam, Hoang D. Ngoc-Tram and Le Van-Hoang (2017), Exact analytical solutions of a two-dimensional hydrogen atom in a constant magnetic field, J. Math. Phys. 58(4), 042102(14).	3	Có	Journal of Mathematical Physics (0022-2488)	Q2 - SCI <i>IF:</i> <b>1.355</b>	8	58 , 4, 042102(14)	2017
16	Hoang D. Ngoc-Tram, Nguyen P. Duy-Anh, Hoang Van-Hung and Le Van-Hoang (2016), Highly accurate analytical energy of a two-dimensional exciton in a constant magnetic field, Physica B 495, 16-20.	4	Có	Physica B (0921-4526)	Q2 - SCI <i>IF:</i> <b>1.874</b>	6	495 , 16- 20	2016
17	Nguyễn Thị Ý Nhi, Hoàng Đỗ Ngọc Trâm (2019), Yếu tố ma trận cho ion điện trường, Tạp chí KHOA HỌC ĐHQG TP. HCM, số 15 (9) (Khoa học tự nhiên & Công nghệ), 301-308.	2	Có	Tạp chí KHOA HỌC ĐHQG TP.HCM (1859-3100)			15 , 9, 301- 308	2019

18	<p>Phạm Thị Mỹ Hào, Nguyễn Thị Thùy Trang, Hoàng Đỗ Ngọc Trâm (2019), Yếu tố ma trận cho exciton hai chiều trong điện trường, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSPTP. HCM, số 15 (6) (Khoa học tự nhiên &amp; Công nghệ), 72-80.</p>	3	Có	<p>Tạp chí KHOA HỌC ĐHSPTP. HCM (1859-3100)</p>			15 , 6, 72-80	2019
19	<p>Nguyễn Hữu Phước, Trần Đình Bảo Trân, Lê Đại Nam, Hoàng Đỗ Ngọc Trâm (2018), Thế màn chắn Cudazzo hiệu chỉnh và yếu tố ma trận cho bài toán exciton hai chiều trong từ trường, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSPTP. HCM, số 15 (12) (Khoa học tự nhiên &amp; Công nghệ), 136–145.</p>	4	Có	<p>Tạp chí KHOA HỌC ĐHSPTP. HCM (1859-3100)</p>			15 , 12, 136– 145	2018



20	Cao Hồ Thanh Xuân, Lý Duy Nhất, Hoàng Đỗ Ngọc Trâm (2018), Yếu tố ma trận cho nguyên tử heli, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP. HCM, số 15 (12) (Khoa học tự nhiên & Công nghệ), 153–166.	3	Không	Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP.HCM (1859-3100)			15 , 12, 153– 166	2018
21	Nguyễn Phương Duy Anh, Hoàng Đỗ Ngọc Trâm (2018), Yếu tố ma trận cho nguyên tử heli hai chiều, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP. HCM, số 15 (9) (Khoa học tự nhiên & Công nghệ), 22 – 34.	2	Có	Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP.HCM (1859-3100)			15 , 9, 22-34	2018
22	Cao Hồ Thanh Xuân, Lý Duy Nhất, Hoàng Đỗ Ngọc Trâm (2018), Phương pháp đại số cho nguyên tử heli, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP. HCM, số 15 (9) (Khoa học tự nhiên & Công nghệ), 12 – 21.	3	Không	Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP.HCM (1859-3100)			15 , 9, 12 – 21	2018

23	<p>Nguyễn Phương Duy Anh, Hoàng Đỗ Ngọc Trâm (2018), Phương pháp đại số cho nguyên tử heli hai chiều, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP. HCM, số 15 (6) (Khoa học tự nhiên &amp; Công nghệ), 64 – 75.</p>	2	Có	<p>Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP.HCM (1859-3100)</p>			15 , 6, 64-75	2018
24	<p>Lê Đại Nam, Hoàng Đỗ Ngọc Trâm (2017), “Binding energy of exciton in monolayer semiconductor WS2 with Yukawa-like screening potential”, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP. HCM, số 14 (9) (Khoa học tự nhiên &amp; Công nghệ), 43-50.</p>	2	Có	<p>Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP.HCM (1859-3100)</p>			14 , 9, 43-50	2017

25	<p>Nguyễn Hồ Thanh Huyền, Hoàng Đỗ Ngọc Trâm (2017), “Phương pháp toán tử FK cải tiến giải phương trình Schrödinger cho exciton hai chiều trong từ trường đều”, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP. HCM, số 14 (3) (Khoa học tự nhiên &amp; Công nghệ), 129-139.</p>	2	Có	<p>Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP.HCM (1859-3100)</p>			14 , 3, 129-139	2017
26	<p>Nguyễn Thị Hồng Lanh, Hoàng Đỗ Ngọc Trâm (2016), “Phương pháp toán tử FK giải phương trình Schrödinger cho ion H<sub>2</sub><sup>+</sup> hai chiều”, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP. HCM, số 12(90) (Khoa học tự nhiên &amp; Công nghệ), 22-30.</p>	2	Có	<p>Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP.HCM (1859-3100)</p>			12 , 90, 22-30	2016

27	Cao Hồ Thanh Xuân, Lý Duy Nhất, Hoàng Đỗ Ngọc Trâm (2016), Năng lượng trạng thái cơ bản của nguyên tử hydro trong từ trường đều có cường độ bất kì, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP. HCM, số 12(90) (Khoa học tự nhiên & Công nghệ), 39-51.	3	Không	Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP.HCM (1859-3100)			12 , 90, 39-51	2016
28	Hoàng Đỗ Ngọc Trâm (2016), The FK Operator Method for Two-dimensional Sextic Double Well Oscillator, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP. HCM, số 6(84) (Khoa học tự nhiên & Công nghệ), 5-11.	1	Có	Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP.HCM (1859-3100)			6 , 84, 5-11	2016

29	Nguyễn Thị Hồng Lanh, Cao Hồ Thanh Xuân, Hoàng Văn Hưng, Hoàng Đỗ Ngọc Trâm (2015), “Phương pháp toán tử FK giải phương trình Schrödinger cho ion H <sub>2</sub> <sup>+</sup> ”, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP. HCM, số 12(78) (Khoa học tự nhiên & Công nghệ), 67-74.	4	Không	Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP.HCM (1859-3100)			12 , 78, 67-74	2015
30	Nguyễn Phương Duy Anh, Hoàng Đỗ Ngọc Trâm (2015), Mô tả giải tích cho năng lượng trạng thái cơ bản của exciton hai chiều trong từ trường, Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP. HCM, số 2(67) (Khoa học tự nhiên & Công nghệ), 73 – 77.	2	Có	Tạp chí KHOA HỌC ĐHSP TP.HCM (1859-3100)			2 , 67, 73-77	2015

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 4

*Lưu ý:* Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS. 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
1	Phát triển chương trình đào tạo bậc đại học cho ngành Sư phạm Vật lý và Vật lý học.	Tham gia	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2	Phát triển chương trình đào tạo bậc cao học cho ngành Vật lý nguyên tử.	Tham gia	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
3	Phát triển chương trình nghiên cứu, là thành viên của nhóm nghiên cứu mạnh về tính toán trong nguyên tử, phân tử trong điện từ trường.	Tham gia	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

**(\*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.**

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm

2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

